

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 23/UBND ngày 08 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung chi	Dự toán thực hiện năm 2026			Tổng dự toán	Thuyết minh (chi tiết căn cứ cơ sở pháp lý lập dự toán từng nội dung chi)	Ghi chú
		Số lượng	Định mức	Thành tiền			
1	2	3	4	5=3*4	6	7	8
I	Chi cho tổ bầu cử theo nguyên tắc chi đủ			384.000.000	384.000.000		
1	Hòm phiếu	20	500.000	10.000.000	10.000.000	Căn cứ mục 9 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
2	Con dấu	15		6.000.000	6.000.000		
+	Ủy ban bầu cử	1	400.000	400.000	400.000	Căn cứ mục 10 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
+	Ban bầu cử	4	400.000	1.600.000	1.600.000		
+	Tổ bầu cử	10	400.000	4.000.000	4.000.000		
3	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử	11	1.500.000	16.500.000	16.500.000	Căn cứ mục 11 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. (Khung sắt có chân đứng, áp Alu, in De can danh sách bầu cử; kích thước cao 2,2m x rộng 2,4m) 10 điểm và UBND xã	
4	Chi văn phòng phẩm	10	6.000.000	60.000.000	60.000.000	Theo thực tế thực hiện	
5	Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu	10	2.000.000	20.000.000	20.000.000	Theo thực tế thực hiện	
6	Trang trí	10	10.000.000	100.000.000	100.000.000	Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ gồm: 03 bộ cờ khí thế; 01 Băng rôn chào mừng; 02 khẩu hiệu phướn; Phòng điểm bầu cử; bảng chỉ dẫn cử tri; 02 bộ cờ dây; 10 bộ cổng chào sắt (lắp ráp).	
7	Loa đài	10	5.000.000	50.000.000	50.000.000	10 Loa lưu động/10 điểm (Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ)	
8	Chi an ninh bảo vệ tổ bầu cử	180	150.000	81.000.000	81.000.000	Căn cứ điểm b mục 5 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	3 ngày
9	Chi bồi dưỡng			40.500.000	40.500.000		
+	Chi bồi dưỡng	90	150.000	40.500.000	40.500.000	Bồi dưỡng phục vụ hậu cần tại 10 điểm bầu cử	3 ngày
II	Chi cho nghiệp vụ bầu cử			233.800.000	233.800.000		
1	Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo văn bản liên quan đến công tác bầu cử	1	3.500.000	3.500.000	3.500.000	Căn cứ điểm d mục 3 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
2	Chi in tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử			40.000.000	40.000.000	Theo thực tế thực hiện	
3	Chi tổ chức các hội nghị			190.300.000	190.300.000		
a	Chi hội nghị triển khai			47.400.000	47.400.000		
+	Thuê Hội trường, máy chiếu, trang thiết bị	3	5.000.000	15.000.000	15.000.000		
+	Thù lao giảng viên	6	600.000	3.600.000	3.600.000		
+	Tài liệu phục vụ Hội nghị	360	30.000	10.800.000	10.800.000		
+	Chi giải khát giữa giờ	360	50.000	18.000.000	18.000.000		
b	Chi hội nghị tập huấn			37.400.000	37.400.000		
+	Thuê Hội trường, máy chiếu, trang thiết bị	3	5.000.000	5.000.000	5.000.000		
+	Thù lao giảng viên	6	600.000	3.600.000	3.600.000		
+	Tài liệu phục vụ Hội nghị	360	30.000	10.800.000	10.800.000		
+	Chi giải khát giữa giờ	360	50.000	18.000.000	18.000.000		
c	Chi hội nghị hiệp thương			75.500.000	75.500.000		
d	Chi hội nghị sơ kết			10.000.000	10.000.000		
e	Chi hội nghị tổng kết			20.000.000	20.000.000		
III	Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền hướng dẫn và vận động bầu cử			268.000.000	268.000.000		
1	Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự			126.000.000	126.000.000		
	Chi cho công tác đảm bảo an ninh trật tự tại xã	120	150.000	126.000.000	126.000.000		

ST T	Nội dung chi	Dự toán thực hiện năm 2026			Tổng dự toán	Thuyết minh (chi tiết căn cứ cơ sở pháp lý lập dự toán từng nội dung chi)	Ghi chú
		Số lượng	Định mức	Thành tiền			
2	Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền hướng dẫn và vận động bầu cử			142.000.000	142.000.000	Chi theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024; Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành	
a	Phát thanh truyền hình	10	1.000.000	10.000.000	10.000.000	10 lượt phát trên sóng truyền thanh xã	
b	Tranh cổ động	70	100.000	7.000.000	7.000.000	70 tranh/ 10 điểm	
c	Pano áp phích	10	7.000.000	70.000.000	70.000.000	10 điểm	
d	Chương trình nghệ thuật	1	50.000.000	50.000.000	50.000.000	01 chương trình chào mừng thành công Bầu cử	
e	Văn phòng phẩm			5.000.000	5.000.000		
IV	Chi cho phương tiện, thông tin, công tác phí			37.000.000	37.000.000		
1	Sửa xe			20.000.000	20.000.000		
2	Xăng xe			15.000.000	15.000.000		
3	Công tác phí			0	0		
+	Công tác trong tỉnh				0		
+	Công tác ngoài tỉnh				0		
4	Bưu phí			2.000.000	2.000.000		
V	Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			1.746.200.000	1.746.200.000		
1	Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ công tác bầu cử			1.685.500.000	1.685.500.000		
+	Trưởng, Phó Trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	10	2.300.000	23.000.000	23.000.000	Căn cứ điểm a mục 5 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
	Trưởng, phó BCD bầu cử	3	2.300.000	20.700.000	20.700.000		3 tháng
	Tổ trưởng tổ giúp việc BCD	1	2.300.000	6.900.000	6.900.000		3 tháng
	Chủ tịch, Phó chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử	5	2.300.000	34.500.000	34.500.000		3 tháng
	Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	1	2.300.000	6.900.000	6.900.000		3 tháng
+	Các thành viên của Ban Chỉ đạo; ủy viên của Ủy ban bầu cử; Tổ Phó và thành viên của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Tổ Phó và tổ viên của Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND					Căn cứ điểm a mục 5 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	3 tháng
	Thành viên Ban Chỉ đạo	8	2.000.000	48.000.000	48.000.000		3 tháng
	Tổ Phó và thành viên của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo	5	2.000.000	30.000.000	30.000.000		3 tháng
	Ủy viên của Ủy ban bầu cử;	12	2.000.000	72.000.000	72.000.000		3 tháng
	Tổ Phó và tổ viên của Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	12	2.000.000	72.000.000	72.000.000		3 tháng
	Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND	132	2.000.000	792.000.000	792.000.000		3 tháng
+	Các Ủy viên của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND	35	1.800.000	189.000.000	189.000.000	Căn cứ điểm a mục 5 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
+	Tổ trưởng, thư ký và các ủy viên Tổ bầu cử	110	1.500.000	330.000.000	330.000.000		2 tháng
+	Tổ trưởng, thư ký và các ủy viên Tổ bầu cử	110	200.000	44.000.000	44.000.000	Căn cứ điểm c mục 5 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	2 ngày (Ngày trước bầu cử và ngày bầu cử)
		110	150.000	16.500.000	16.500.000	Căn cứ điểm b mục 5 phụ lục Quy định mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử nhiệm kỳ 2026-2031 ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	1 ngày
2	Chi khoán hỗ trợ cước diên thoại di động	90		56.700.000	56.700.000		
+	Trưởng, Phó Trưởng Ban chỉ đạo; Chủ tịch, Phó chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	9	300.000	8.100.000	8.100.000		3 tháng

ST T	Nội dung chi	Dự toán thực hiện năm 2026			Tổng dự toán	Thuyết minh (chi tiết căn cứ cơ sở pháp lý lập dự toán từng nội dung chi)	Ghi chú
		Số lượng	Định mức	Thành tiền			
+	Các thành viên của Ban Chỉ đạo; ủy viên của Ủy ban bầu cử; Tổ Phó và thành viên của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo; Tổ Phó và tổ viên của Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND	81	200.000	48.600.000	48.600.000		3 tháng
3	Trung tập Công chức cục thống kê tỉnh để thực hiện việc thông kê, tính toán kết quả bầu cử	10	200.000	4.000.000	4.000.000		2 ngày
VI	Chi phục vụ công tác kiểm tra của Hội đồng bầu cử quốc gia và các ngành ở Trung ương về kiểm tra, giám sát công tác bầu cử				0		
VII	Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử			2.000.000	2.000.000		
	Tổng cộng			2.671.000.000	2.671.000.000		